

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

*Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;*

*Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Chính trị học, mã số ngành: 9310201.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Chính trị học ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm

2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Khoa học Chính trị và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS Hoàng Anh Tuấn**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

MÃ SỐ : 9310201

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-XHNV ngày tháng năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

### PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

**- Tên ngành đào tạo:**

+ Tên tiếng Việt: Chính trị học

+ Tên tiếng Anh: Political Science

**- Mã số ngành đào tạo:** 9310201

**- Ngôn ngữ đào tạo:** Tiếng Việt

**- Trình độ đào tạo:** Tiến sĩ

**- Thời gian đào tạo:** 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

**- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:**

+ Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Chính trị học

+ Tên tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Political Science

#### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

##### 2.1. Mục tiêu chung

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao ở trình độ chuyên gia về Chính trị học, có khả năng làm việc trong các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế - xã hội và doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục, nghiên cứu, các đơn vị sự nghiệp của trung ương và địa phương. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có tư duy và phương pháp tiếp cận liên ngành, có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, khả năng quản trị các chương trình, dự án nghiên cứu hoặc ứng dụng liên quan đến Chính trị học; có tư duy phản biện, khả năng sáng tạo tri thức mới; có năng lực thiết kế, tham mưu tư vấn và thực hiện xây dựng chính sách về chính trị - xã hội.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

Cung cấp về nguồn nhân lực chất lượng cao về Chính trị học có:

Kiến thức chuyên môn chuyên sâu, tiến tiến và tư duy liên ngành, phân tích, đánh giá, sáng tạo tri thức để thực hiện các vấn đề nghiên cứu, quản trị, hoạch định, tham mưu, tư vấn chính sách.

+ Kỹ năng suy luận, phân tích các kiến thức liên ngành, chuyên ngành để phát hiện và giải quyết những vấn đề có liên quan đến chính trị - xã hội.

+ Kỹ năng kết nối các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến triển khai các chương trình, dự án nghiên cứu liên quan đến chính trị học.

Tuân thủ pháp luật, quy định; công hiến cho cộng đồng; làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm, có thái độ liêm chính học thuật và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

## 3. Thông tin tuyển sinh

### 3.1. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển thông qua việc đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

### 3.2. Đối tượng tuyển sinh

#### 3.2.1. Yêu cầu về văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp

Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

- Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2.

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

#### 3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

### **3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ**

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Năng lực ngoại ngữ cần được minh chứng bằng một trong số những loại văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài phù hợp với ngoại ngữ yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tiến sĩ Chính trị học;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có), trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

#### **3.2.4. Yêu cầu khác**

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập;

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

### **3.3. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức**

#### **3.3.1. Danh mục ngành/ chuyên ngành phù hợp:**

- Ngành phù hợp 1: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Quan hệ quốc tế, Quản lý nhà nước.

- Ngành phù hợp 2:

+ Các ngành trong nhóm ngành: Khác của lĩnh vực Nhân văn, Xã hội học và nhân học, Địa lý học, Khu vực học, Báo chí và truyền thông, Luật;

+ Các ngành: Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự.

- Ngành phù hợp 3: Các ngành khác.

#### **3.3.2. Danh mục học phần bổ túc kiến thức:**

STT	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>Đối tượng ngành phù hợp 2</b>		<b>15</b>	
<b>I.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>9</b>	
1	Chính trị học đại cương	3	
2	Lịch sử học thuyết chính trị	3	
3	Đảng chính trị	3	
<b>II.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>6/24</b>	
4	Quyền lực chính trị	3	
5	Nhập môn Hồ Chí Minh học	3	
6	Chính sách đối ngoại của Việt Nam	3	
7	Chính trị và Truyền thông	3	
8	Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	
9	Nhập môn chính trị quốc tế	3	
10	Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam	3	
11	Văn hóa chính trị Việt Nam	3	
<b>Đối tượng ngành phù hợp 3</b>		<b>25</b>	
<b>I</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>15</b>	
1	Chính trị học đại cương	3	
2	Lịch sử học thuyết chính trị	3	
3	Đảng chính trị	3	
4	Nhập môn chính trị quốc tế	3	
5	Chính trị và Truyền thông	3	
<b>II</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>10/36</b>	
6	Quyền lực chính trị	3	
7	Nhập môn Hồ Chí Minh học	3	
8	Chính trị Việt Nam thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	
9	Chính sách đối ngoại của Việt Nam	3	
10	Chính sách công của Việt Nam	3	
11	Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	
12	Phương pháp viết bài luận và thuyết trình về chính trị	3	
13	Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam	3	
14	Văn hóa chính trị Việt Nam	3	
15	Chính sách đối ngoại của các nước lớn	3	
16	Chính trị Việt Nam – Những vấn đề cơ bản	2	

STT	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
17	Mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị	2	
18	Hệ thống chính trị Việt Nam	2	
<b>Tổng cộng</b>		<b>25</b>	

### 3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh:

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 5-10 NCS/năm).
- Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

## PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Yêu cầu đối với luận án

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là sản phẩm nghiên cứu của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo, chưa được công bố trong các công trình nghiên cứu nào của người khác, bảo đảm liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác (bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó cho tác giả sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, có độ dài không quá 300 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án và có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh theo cấu trúc: Phần mở đầu, Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, nội dung, kết quả nghiên cứu, kết luận và khuyến nghị, danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài, luận án, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục (nếu có). Bản tóm tắt luận án có khối lượng không quá 24 trang A5 phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 03 đến 05 trang (300



đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những đóng góp quan trọng nhất của luận án.

## 2. Yêu cầu về số lượng và chất lượng các công trình khoa học được công bố

- Trong thời gian theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng *một trong* các tiêu chí dưới đây:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus;

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có tối thiểu 02 bài báo/ báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

## 3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

**PLO 1:** Vận dụng sáng tạo các phương pháp luận chuyên ngành, các cách tiếp cận liên ngành, hệ thống lý thuyết trong nghiên cứu chính trị học vào các hoạt động khoa học.

**PLO 2:** Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

**PLO 3:** Phân tích phương pháp định tính và phương pháp định lượng trong nghiên cứu Chính trị học.

**PLO 4:** Đánh giá các tri thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực chính trị học.

**PLO 5:** Sáng tạo, phát triển các lý thuyết và tri thức mới liên quan đến ngành Chính trị học.

#### **4. Chuẩn đầu ra kỹ năng**

**PLO 6:** Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu trong nghiên cứu chính trị học.

**PLO 7:** Kỹ năng tổng hợp và bổ sung tri thức chuyên môn trong Chính trị học.

**PLO 8:** Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề chính trị và đưa ra những xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.

**PLO 9:** Thiết kế xây dựng, quản lý và triển khai một cách độc lập và sáng tạo trong các hoạt động nghiên cứu lý thuyết và ứng dụng liên quan đến chính trị; khả năng thiết lập mạng lưới quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn.

**PLO 10:** Tổ chức thời gian và quản lý công việc một cách khoa học, kết hợp công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn và nghề nghiệp.

**PLO 11:** Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế về chính trị học và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

#### **5. Mức tự chủ và trách nhiệm**

**PLO 12:** Tổ chức học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm, đáng tin cậy, thẳng thắn, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

**PLO 13:** Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.

**PLO 14:** Quản lý nghiên cứu, có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới, quá trình mới.

**PLO 15:** Nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới.

#### **6. Vị trí làm việc mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

- Làm công tác tham mưu, tư vấn trong các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Làm việc trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế - xã hội và doanh nghiệp.

- Làm công tác nghiên cứu viên, chuyên gia tại các cơ quan lý luận chính trị, các viện nghiên cứu.

- Làm công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học trong hệ thống trường Đảng, các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.
- Làm phóng viên bình luận thời sự, chính trị tại các báo, đài trung ương và địa phương.
- Biên tập, chỉ đạo biên tập sách chính trị tại các nhà xuất bản.

## **7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu của các cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài để phát huy những kiến thức chuyên môn đã được trang bị, cung cấp trong quá trình học.
- Nghiên cứu nâng cao và chuyên sâu các vấn đề chuyên môn ở quy mô khu vực và quốc tế.
- Kết nối mạng lưới nghiên cứu, giảng dạy quốc tế để trao đổi tri thức và giải quyết các vấn đề liên quan đến Chính trị học.
- Tham gia nghiên cứu và học tập các chương trình sau tiến sĩ.

## **PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

#### **1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ:**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	<b>100</b> tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	<b>10</b> tín chỉ
+ Bắt buộc:	05 tín chỉ
+ Tự chọn:	05 tín chỉ /15 tín chỉ
- Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	<b>10</b> tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	06 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	04 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học ( <i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i> )	
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo ( <i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i> )	
- Luận án tiến sĩ:	<b>80</b> tín chỉ

#### **1.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ:**

Người học phải hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	<b>130</b> tín chỉ, trong đó:
- Học phần bổ sung :	<b>30</b> tín chỉ
+ Bắt buộc:	20 tín chỉ
+ Tự chọn:	10 tín chỉ/ 30 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ:	<b>10</b> tín chỉ
+ Bắt buộc:	5 tín chỉ
+ Tự chọn:	5/80 tín chỉ
- Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: <b>10</b> tín chỉ	
+ Chuyên đề tiến sĩ:	6 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	4 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học ( <i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i> )	
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo ( <i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i> )	
- Luận án tiến sĩ:	<b>80</b> tín chỉ

## 2. Khung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

### 2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
<b>I</b>	<b>Các học phần tiến sĩ</b>		<b>10</b>				
<b>I.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>5</b>				
1	POL8026	Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Renovation Guideline of the Vietnamese Communist Party</i>	5	70	10	170	
<b>I.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> (chọn một trong các định hướng chuyên sâu sau)		<b>5/80</b>				
<b>I.2.1</b>	<b>Hướng chuyên sâu Chính trị học</b>		<b>5/15</b>				
2	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
3	POL8028	Các lý thuyết chính trị hiện đại <i>Contemporary Political Theories</i>	5	70	10	170	
4	POL8029	Dân chủ và dân chủ hóa ở Việt Nam	5	70	10	170	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
		<i>Democracy and democratization in Vietnam</i>					
II.2.2		<i>Hướng chuyên sâu Hồ Chí Minh học</i>	5/15				
5	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
6	POL8030	Biện chứng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Dialectics</i>	5	70	10	170	
7	POL8031	Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Humanism</i>	5	70	10	170	
II.2.3		<i>Hướng Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước</i>	5/15				
8	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
9	POL8032	Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng giai đoạn hiện nay <i>Party's inspection and supervision work at present</i>	5	70	10	170	
10	POL8033	Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hoàn thiện thể chế chính trị. <i>The Vietnamese Communist Party in the process of innovation and perfection of political institution</i>	5	70	10	170	
II.2.4		<i>Hướng Chính trị và Truyền thông quốc tế</i>	5/15				
11	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
12	POL8034	Truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng - Tiếp cận chính trị học ứng dụng <i>Mass Media and Mass Culture - Experimental Approach to Political Science</i>	5	70	10	170	
13	POL8035	Những xu thế vận động chủ yếu trong quan hệ quốc tế hiện nay <i>Main transformation tendency in international relations at present</i>	5	70	10	170	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
II.2.5	<i>Hướng chuyên sâu Chính trị quốc tế</i>		5/15				
14	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
15	POL8036	Những biến đổi của đời sống chính trị quốc tế trong toàn cầu hóa <i>Major changes of International Political Life in the Globalization</i>	5	70	10	170	
16	POL8037	Chính trị khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á: lịch sử, hiện tại, xu hướng <i>Politics of North-East Asia and South-East Asia: History, Contemporary and Tendencies</i>	5	70	10	170	
II.2.6	<i>Hướng chuyên sâu Lãnh đạo học</i>		5/15				
17	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
18	POL8038	Chính trị và phát triển xã hội <i>Politics and Social Developments</i>	5	70	10	170	
19	POL8039	Hoạch định chiến lược trong lãnh đạo <i>Strategy formulation in leadership</i>	5	70	10	170	
II.2.7	<i>Hướng Chính trị học so sánh</i>		5/15				
20	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
21	POL8040	So sánh tư tưởng chính trị Đông - Tây <i>Western and Eastern Political Thoughts in Comparison</i>	5	70	10	170	
22	POL8041	Địa chính trị Việt Nam và thế giới <i>Vietnam and world geopolitics</i>	5	70	10	170	
II.2.8	<i>Hướng Chính trị Việt Nam</i>		5/15				
23	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
24	POL8029	Dân chủ và dân chủ hóa ở Việt Nam <i>Democracy and Democratization in Vietnam</i>	5	70	10	170	
25	POL8043	Chính trị gia tiêu biểu thế giới thế kỷ XX nâng cao <i>Eminent politicians in the twentieth century</i>	5	70	10	170	
<b>II</b>	<b>Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH</b>		<b>10</b>				
<b>II.1</b>	<b>Chuyên đề tiến sĩ</b>		<b>10</b>				
26	POL8044	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	30	70	
27	POL8045	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	30	70	
28	POL8046	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	30	70	
<b>II.2</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>4</b>				
29	POL8047	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	4	0	60	140	
<b>II.3</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b> NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
<b>III</b>	<b>Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo</b> - Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. - NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định. - NCS phải tham gia trợ giảng, hỗ trợ đào tạo cho đơn vị chuyên môn						
<b>IV</b>	<b>Luận án tiến sĩ</b>						
30	POL9003	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	<b>80</b>			4000	
<b>Tổng Cộng</b>			<b>100</b>				

## 2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
<b>I</b>	<b>Học phần bổ sung</b>		<b>26</b>				

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
<b>I.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>16</b>				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	15	55	135	
2	POL6059	Khoa học chính trị - những vấn đề phương pháp luận <i>Political science - methodological issues</i>	3	45	10	95	
3	POL6227	Triết học chính trị học <i>Political Philosophy</i>	3	45	10	95	
4	POL6060	Quyền lực chính trị nâng cao <i>Advanced Political Power</i>	5	70	10	170	
5	POL6061	Hệ thống chính trị Việt Nam nâng cao <i>Advanced Vietnamese political system</i>	5	70	10	170	
<b>I.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>10/30</b>				
1	POL6062	Phân tích hành vi chính trị <i>Political behavior analysis</i>	5	70	10	170	
2	POL6063	Các quá trình chính trị chủ yếu <i>Major political processes</i>	5	70	10	170	
3	POL6064	Dân chủ và thực hành dân chủ cấp cơ sở <i>Democracy and grassroots democracy practice</i>	5	70	10	170	
4	POL6065	Lý luận đảng cầm quyền <i>Ruling party theory</i>	5	70	10	170	
5	POL6066	Các định chế quốc tế <i>International Institutions</i>	5	70	10	170	
6	POL6067	Chính trị trong toàn cầu hóa <i>Politics in Globalization</i>	5	70	10	170	
<b>II</b>	<b>Các học phần tiên sĩ</b>		<b>10</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>5</b>				
1	POL8026	Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Renovation Guideline of the Vietnamese Communist Party</i>	5	70	10	170	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> (chọn một trong các định hướng chuyên sâu sau)		<b>5/80</b>				
<b>II.2.1</b>	<b>Hướng chuyên sâu Chính trị học</b>		<b>5/15</b>				
1	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
2	POL8028	Các lý thuyết chính trị hiện đại <i>Contemporary Political Theories</i>	5	70	10	170	
3	POL8029	Dân chủ và dân chủ hóa ở Việt Nam	5	70	10	170	



STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
		<i>Democracy and democratization in Vietnam</i>					
II.2.2	<i>Hướng chuyên sâu Hồ Chí Minh học</i>		5/15				
1	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
2	POL8030	Biện chứng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Dialectics</i>	5	70	10	170	
3	POL8031	Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Humanism</i>	5	70	10	170	
II.2.3	<i>Hướng chuyên sâu Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước</i>		5/15				
1	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
2	POL8032	Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng giai đoạn hiện nay <i>Party's inspection and supervision work at present</i>	5	70	10	170	
3	POL8033	Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hoàn thiện thể chế chính trị <i>The Vietnamese Communist Party in the process of innovation and perfection of political institution</i>	5	70	10	170	
II.2.4	<i>Hướng chuyên sâu Chính trị và Truyền thông quốc tế</i>		5/15				
1	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
2	POL8034	Truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng - Tiếp cận chính trị học ứng dụng <i>Mass Media and Mass Culture - Experimental Approach to Political Science</i>	5	70	10	170	
3	POL8035	Những xu thế vận động chủ yếu trong quan hệ quốc tế hiện nay <i>Main transformation tendency in international relations at present</i>	5	70	10	170	
II.2.5	<i>Hướng chuyên sâu Chính trị quốc tế</i>		5/15				
1	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học	5	70	10	170	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
		<i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>					
2	POL8036	Những biến đổi của đời sống chính trị quốc tế trong toàn cầu hóa <i>Major changes of International Political Life in the Globalization</i>	5	70	10	170	
3	POL8037	Chính trị khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á: lịch sử, hiện tại, xu hướng <i>Politics of North-East Asia and South-East Asia: History, Contemporary and Tendencies</i>	5	70	10	170	
II.2.6	<i>Hướng chuyên sâu Lãnh đạo học</i>		5/15				
1	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
2	POL8038	Chính trị và phát triển xã hội <i>Politics and Social Developments</i>	5	70	10	170	
3	POL8039	Hoạch định chiến lược trong lãnh đạo <i>Strategy formulation in leadership</i>	5	70	10	170	
II.2.7	<i>Hướng chuyên sâu Chính trị học so sánh</i>		5/15				
1	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
2	POL8040	So sánh tư tưởng chính trị Đông - Tây <i>Western and Eastern Political Thoughts in Comparison</i>	5	70	10	170	
3	POL8041	Địa chính trị Việt Nam và thế giới <i>Vietnam and world geopolitics</i>	5	70	10	170	
II.2.8	<i>Hướng chuyên sâu Chính trị Việt Nam</i>		5/15				
1	POL8027	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu chính trị học <i>Quantitative and Qualitative Methods for Political Studies</i>	5	70	10	170	
2	POL8029	Dân chủ và dân chủ hóa ở Việt Nam <i>Democracy and Democratization in Vietnam</i>	5	70	10	170	
3	POL8043	Chính trị gia tiêu biểu thế giới thế kỷ XX nâng cao <i>Eminent politicians in the twentyth century</i>	5	70	10	170	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
<b>III</b>	<b>Chuyên đề tiên sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH</b>		<b>10</b>				
<b>III.1</b>	<b>Chuyên đề tiên sĩ</b>		<b>6</b>				
1	POL8044	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	30	70	
2	POL8045	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	30	70	
3	POL8046	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	30	70	
<b>III.2</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>4</b>				
4	POL8047	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	4	0	60	140	
<b>III.3</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b> NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
<b>IV</b>	<b>Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo</b> - Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. - NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định. - NCS phải tham gia trợ giảng, hỗ trợ đào tạo cho đơn vị chuyên môn						
<b>IV</b>	<b>Luận án tiên sĩ</b>		<b>80</b>				
1	POL9003	Luận án tiên sĩ <i>PhD Thesis</i>	80	0	0	4000	
<b>Tổng cộng</b>			<b>130</b>				

**Lưu ý:** Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá